

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG CỬA VIỆT**  
Số: 28/CBTT-CCV

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cửa Việt, Ngày 20 tháng 03 năm 2023

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

Kính gửi:- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CỬA VIỆT.**

- Mã chứng khoán: CVP
- Trụ sở: khu phố 6, thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.
- Điện thoại: 0988.797.377      Email: [cangcuaviet@yahoo.com.vn](mailto:cangcuaviet@yahoo.com.vn)
- Người thực hiện CBTT: Ông Phan Minh Ánh – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

**2. Nội dung công bố thông tin:**

- Công ty cổ phần Cảng Cửa Việt công bố thông tin “ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022” được ký ban hành ngày 15/03/2022.

**3. Công bố thông tin:**

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/03/2022 tại trang web: <https://cuavietport.com> của Công ty.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

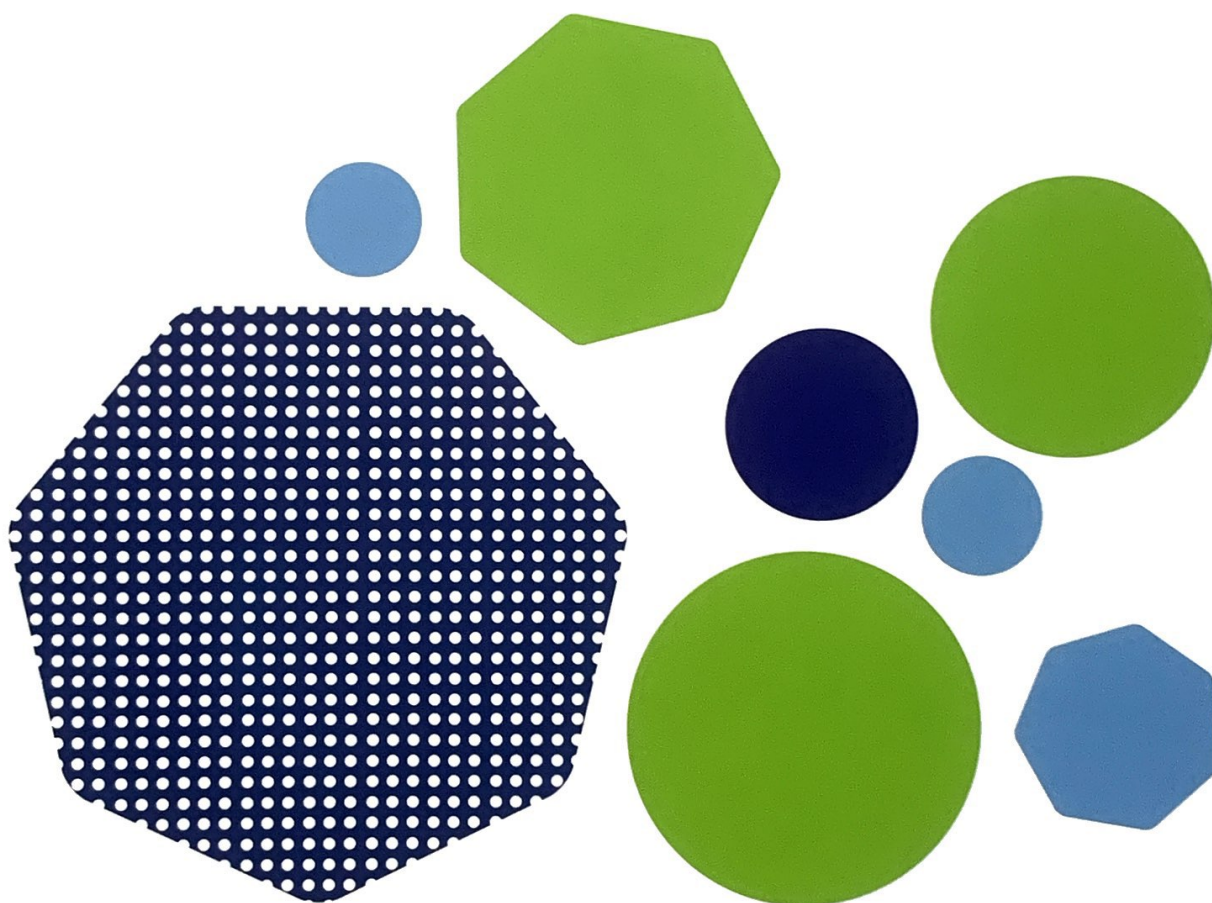
- Như trên;
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Phan Minh Ánh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CỬA VIỆT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 21
PHỤ LỤC	22 - 23

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần cảng Cửa Việt (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Phan Minh Ánh	Chủ tịch
Ông Hoàng Đức Chung	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Đức Chung	Giám đốc
---------------------	----------

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Trần Văn Phúc	Trưởng ban
Ông Hoàng Văn An	Thành viên
Ông Hoàng Nam Hải	Thành viên

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – Chi nhánh Miền Trung.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại các văn bản sau: Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.



Hoàng Đức Chung

Giám đốc

Quảng Trị, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Số: 02.150323/BCKT - UHY MT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cửa Việt

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cửa Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15/03/2023, từ trang 06 đến trang 23 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cửa Việt tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn thuế ATAX. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 23/02/2022.



Nguyễn Duy Tuấn

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1951-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

Nguyễn Thị Bích

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4881-2019-112-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY  
- CHI NHÁNH MIỀN TRUNG**

Nghệ An, ngày 15 tháng 03 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2022

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>16.197.485.014</b>	<b>12.584.160.143</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>13.234.979.054</b>	<b>10.776.076.499</b>
111	1. Tiền		736.888.435	776.076.499
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.498.090.619	10.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.899.951.819</b>	<b>1.740.175.125</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	2.224.757.637	1.447.318.704
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	631.000.000	45.000.000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác		44.194.182	250.350.218
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(2.493.797)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>62.554.141</b>	<b>67.908.519</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	62.554.141	67.908.519
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>27.357.300.419</b>	<b>29.323.088.286</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>26.648.645.432</b>	<b>28.635.129.528</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	26.637.678.761	28.617.582.861
222	- Nguyên giá		66.886.388.518	66.410.488.418
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.248.709.757)	(37.792.905.557)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	10.966.671	17.546.667
228	- Nguyên giá		32.900.000	32.900.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.933.329)	(15.353.333)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>708.654.987</b>	<b>687.958.758</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	708.654.987	687.958.758
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>43.554.785.433</b>	<b>41.907.248.429</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31/12/2022

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.714.087.556</b>	<b>3.331.416.287</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.714.087.556</b>	<b>3.331.416.287</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	118.478.753	10.000.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		10	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	452.618.906	635.407.141
314	4. Phải trả người lao động		1.888.339.320	2.172.358.579
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	13	513.650.567	513.650.567
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	14	741.000.000	-
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>39.840.697.877</b>	<b>38.575.832.142</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>39.840.697.877</b>	<b>38.575.832.142</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		34.259.800.000	34.259.800.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		34.259.800.000	34.259.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.831	24.831
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		2.430.473.481	1.577.815.594
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.150.399.565	2.738.191.717
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.150.399.565	2.738.191.717
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>43.554.785.433</b>	<b>41.907.248.429</b>

Quảng Trị, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Minh

Giám đốc



Hoàng Đức Chung

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	15.137.334.268	12.996.733.599
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.137.334.268	12.996.733.599
11	4. Giá vốn hàng bán	17	6.526.466.003	6.031.830.682
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.610.868.265	6.964.902.917
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	323.086.587	265.060.042
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	4.850.865.386	3.721.092.106
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.083.089.466	3.508.870.853
31	11. Thu nhập khác		-	51.099.374
32	12. Chi phí khác	20	8.122.008	5.284.465
40	13. Lợi nhuận khác		(8.122.008)	45.814.909
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.074.967.458	3.554.685.762
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	816.617.893	711.994.045
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.258.349.565	2.842.691.717
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	920	604
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	23	920	604

Quảng Trị, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Minh

Giám đốc



Hoàng Đức Chung

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2021
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>4.074.967.458</b>	<b>3.554.685.762</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2.462.384.196	2.639.887.126
03	- Các khoản dự phòng	(2.493.797)	2.493.797
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(323.086.587)	(265.060.042)
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>6.211.771.270</b>	<b>5.932.006.643</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(1.162.270.491)	(474.186.566)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	-	11.844.637
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả	548.047.421	592.205.727
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	(15.341.851)	(166.758.501)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(981.994.045)	(609.139.010)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(771.746.127)	(614.933.584)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>3.828.466.177</b>	<b>4.671.039.346</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(475.900.100)	(80.095.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	323.086.587	265.060.042
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(152.813.513)</b>	<b>184.965.042</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(1.216.750.109)	(720.376.250)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(1.216.750.109)</b>	<b>(720.376.250)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>2.458.902.555</b>	<b>4.135.628.138</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	10.776.076.499	6.640.448.361
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	13.234.979.054	10.776.076.499



Quảng Trị, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Thủy

Nguyễn Văn Minh

Hoàng Đức Chung

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cảng Cửa Việt, (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước từ Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Việt do UBND tỉnh Quảng Trị quản lý, tiền thân là Công ty TNHH Cảng Vinashin Cửa Việt, thuộc sở hữu của Tập đoàn tàu thủy Việt Nam. Sau đó, Công ty chuyển đổi sở hữu từ Tập đoàn tàu thủy Việt Nam sang UBND tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 1334A/QĐ-UBND ngày 31/07/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200266161, đăng ký lần đầu ngày 31/07/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, thay đổi lần thứ 2 ngày 30/03/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 34.259.800.000 đồng chia thành 3.425.980 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn thực góp tại ngày 31/12/2022 là 34.259.800.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 19 người (tại ngày 31/12/2021 là 19 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

**1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Kinh doanh dịch vụ Cảng biển, Cảng đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Nạo vét cảng biển, cảng sông, luồng lạch sông biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

**1.5. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm diễn ra bình thường, không có ảnh hưởng gì lớn đến Báo cáo tài chính.

**1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

**2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính 2022. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**4.5 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08-40 năm
- Máy móc, thiết bị	08-15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

**4.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP THEO)**

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng
- Phần mềm máy tính	05 năm

**4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng. Khoản chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong thời hạn không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: chi phí kiểm định cầu cảng; chi phí công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác. Các khoản chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong thời hạn trên 12 tháng.

**4.8 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**4.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4.10 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu, các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ THU NHẬP**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Là khoản lãi tiền gửi ngân hàng. Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**4.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%. Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022 Công ty áp dụng thuế suất theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28/01/2022.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế khác**

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4.13 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Theo đó, bên liên quan của Công ty Cổ phần Cảng Cửa Việt là UBND tỉnh Quảng Trị – đại diện vốn Nhà nước, Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty.

**4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ cảng biển, các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (tỉnh Quảng Trị). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	443.100.700	18.841.886
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	293.787.735	757.234.613
Các khoản tương đương tiền (*)	12.498.090.619	10.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>13.234.979.054</b>	<b>10.776.076.499</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, chi tiết như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị	4.714.207.800	3.096.211.900
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị	5.727.938.634	4.897.468.723
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị	2.055.944.185	2.006.319.377
<b>Tổng</b>	<b>12.498.090.619</b>	<b>10.000.000.000</b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.224.757.637</b>	<b>1.447.318.704</b>
- Công ty CP thương mại Bảo Đạt Thành	1.299.942.129	15.400.000
- Công ty CP Tiến Phong	883.160.874	913.057.524
- Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	41.654.634	518.861.180
<b>Tổng</b>	<b>2.224.757.637</b>	<b>1.447.318.704</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>631.000.000</b>	<b>45.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Vianbico	586.000.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	45.000.000	45.000.000
<b>Tổng</b>	<b>631.000.000</b>	<b>45.000.000</b>

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Xem chi tiết phụ lục 1

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phản mèm, bản quyền VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>32.900.000</b>	<b>32.900.000</b>
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>32.900.000</b>	<b>32.900.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>15.353.333</b>	<b>15.353.333</b>
Số tăng trong năm	6.579.996	6.579.996
- Khấu hao TSCĐ	6.579.996	6.579.996
Giảm trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>21.933.329</b>	<b>21.933.329</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	17.546.667	17.546.667
Tại ngày cuối năm	<b>10.966.671</b>	<b>10.966.671</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>62.554.141</b>	<b>67.908.519</b>
- Giá trị còn lại của Công cụ, dụng cụ xuất dùng	62.554.141	3.306.437
- Chi phí sửa chữa	-	64.602.082
<b>b) Dài hạn</b>	<b>708.654.987</b>	<b>687.958.758</b>
- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	419.271.331	510.872.192
- Giá trị còn lại của Công cụ, dụng cụ xuất dùng	71.284.539	77.729.975
- Chi phí kiểm định cầu cảng	37.929.323	99.356.591
- Các khoản khác	180.169.794	-
<b>Cộng</b>	<b>771.209.128</b>	<b>755.867.277</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>118.478.753</b>	<b>118.478.753</b>	<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
- Công ty TNHH QB Tân Tiến Phát	88.290.000	88.290.000	-	-
- Phải trả người bán khác	30.188.753	30.188.753	10.000.000	10.000.000

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022	Số phải nộp	Số thực nộp	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	235.809.636	1.028.114.397	1.076.770.999	187.153.034
Thuế TNDN	381.994.045	816.617.893	981.994.045	216.617.893
Thuế TNCN	17.603.460	55.816.484	24.571.965	48.847.979
Thuế nhà đất	-	142.344.720	142.344.720	-
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-

**Trong đó**

- Trình bày là phải trả	635.407.141			452.618.906
-------------------------	-------------	--	--	-------------

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>513.650.567</b>	<b>513.650.567</b>
- Phải trả về cổ phần hóa	513.650.567	513.650.567
<b>Tổng</b>	<b>513.650.567</b>	<b>513.650.567</b>

**14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>741.000.000</b>	<b>-</b>
- Dự phòng tiền lương	741.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>741.000.000</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**15.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết Phụ lục 2

**15.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
UBND tỉnh Quảng Trị	33.217.800.000	96,96	33.217.800.000	96,96
Vốn góp của các đối tượng khác	1.042.000.000	3,04	1.042.000.000	3,04
<b>Tổng</b>	<b>34.259.800.000</b>	<b>100,00</b>	<b>34.259.800.000</b>	<b>100,00</b>

**15.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	34.259.800.000	34.259.800.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	34.259.800.000	34.259.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.216.750.109	720.376.250

**15.4 Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.425.980	3.425.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.425.980	3.425.980
- Cổ phiếu phổ thông	3.425.980	3.425.980
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.425.980	3.425.980
- Cổ phiếu phổ thông	3.425.980	3.425.980

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.137.334.268	12.996.733.599
<b>Tổng</b>	<b>15.137.334.268</b>	<b>12.996.733.599</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.526.466.003	6.031.830.682
<b>Tổng</b>	<b>6.526.466.003</b>	<b>6.031.830.682</b>
18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	323.086.587	265.060.042
<b>Tổng</b>	<b>323.086.587</b>	<b>265.060.042</b>
19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lương nhân viên	2.201.098.973	1.928.449.414
Chi phí đồ dùng văn phòng	97.695.285	235.223.142
Chi phí khấu hao TSCĐ	334.447.762	265.345.031
Chi phí dự phòng	741.000.000	2.493.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	602.555.155	386.753.641
Chi phí bằng tiền khác	874.068.211	902.827.081
<b>Tổng</b>	<b>4.850.865.386</b>	<b>3.721.092.106</b>
20. CHI PHÍ KHÁC	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản phạt thuế, phạt hành chính	4.109.930	5.284.465
Xử lý các khoản công nợ	4.012.078	-
<b>Tổng</b>	<b>8.122.008</b>	<b>5.284.465</b>
21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	141.928.551	86.555.547
Chi phí nhân công	4.905.242.263	4.322.897.738
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.462.384.196	2.639.887.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.252.708.168	1.547.006.356
Chi phí khác bằng tiền	1.615.068.211	1.156.576.021
<b>Tổng</b>	<b>11.377.331.389</b>	<b>9.752.922.788</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

**Thuế suất**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

**Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	4.074.967.458	3.554.685.762
Điều chỉnh tăng	8.122.008	5.284.465
- Các khoản phạt thuế, phạt hành chính	8.122.008	5.284.465
Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	4.083.089.466	3.559.970.227
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>816.617.893</b>	<b>711.994.045</b>

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.258.349.565	2.842.691.717
Các khoản điều chỉnh:		
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(107.950.000)	(773.283.721)
	(107.950.000)	(773.283.721)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.150.399.565	2.069.407.996
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.425.980	3.425.980
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>920</b>	<b>604</b>

(\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2022 vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

**b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty Cổ phần Cảng Cửa Việt không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và ngày 31/12/2021 cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát	1.905.208.320	1.580.562.104

**25. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**26. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư thuế ATAX.

Quảng Trị, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Minh

Giám đốc



Hoàng Đức Chung

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**PHỤ LỤC 1: TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	56.606.932.808	6.383.689.365	3.380.846.535	39.019.710	66.410.488.418
Số tăng trong năm	375.560.100	100.340.000	-	-	475.900.100
- Mua trong năm	375.560.100	100.340.000	-	-	475.900.100
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>56.982.492.908</b>	<b>6.484.029.365</b>	<b>3.380.846.535</b>	<b>39.019.710</b>	<b>66.886.388.518</b>
<b>Trong đó:</b>					
- Đã hết khấu hao còn sử dụng	486.734.883	-	2.521.347.900	39.019.710	3.047.102.493
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	32.214.267.825	2.680.568.110	2.859.049.912	39.019.710	37.792.905.557
Số tăng trong năm	1.613.976.866	735.580.198	106.247.136	-	2.455.804.200
- Khấu hao trong năm	1.613.976.866	735.580.198	106.247.136	-	2.455.804.200
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>33.828.244.691</b>	<b>3.416.148.308</b>	<b>2.965.297.048</b>	<b>39.019.710</b>	<b>40.248.709.757</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	24.392.664.983	3.703.121.255	521.796.623	-	28.617.582.861
Tại ngày cuối năm	<b>23.154.248.217</b>	<b>3.067.881.057</b>	<b>415.549.487</b>	-	<b>26.637.678.761</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**PHỤ LỤC 2: BẢNG ĐỔI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>34.259.800.000</b>	<b>24.831</b>	<b>24.831</b>	<b>1.105.090.728</b>	<b>1.751.534.700</b>	<b>37.116.450.259</b>			
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.842.691.717	2.842.691.717			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	472.724.866	(1.751.534.700)	(1.278.809.834)			
Tạm trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	-	(104.500.000)	(104.500.000)			
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>34.259.800.000</b>	<b>24.831</b>	<b>24.831</b>	<b>1.577.815.594</b>	<b>2.738.191.717</b>	<b>38.575.832.142</b>			
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	3.258.349.565	3.258.349.565			
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	852.657.887	(2.738.191.717)	(1.885.533.830)			
Tạm trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	-	(107.950.000)	(107.950.000)			
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>34.259.800.000</b>	<b>24.831</b>	<b>24.831</b>	<b>2.430.473.481</b>	<b>3.150.399.565</b>	<b>39.840.697.877</b>			

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 47/NQ-DHĐCĐ ngày 28/04/2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		2.842.691.717
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	30,00	852.657.887
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	27,20	773.283.721
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 355 đồng)	42,80	1.216.750.109

(\*\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2022 vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

